

TẦM QUAN TRỌNG CỦA KỸ NĂNG MỀM TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

ThS. PHẠM THỊ HỒNG HOA*

Trong thời đại hội nhập, *kỹ năng mềm* (KNM) ngày càng quan trọng đối với sinh viên (SV) đại học. Hiện nay, mặc dù nhiều SV tốt nghiệp đại học với tấm bằng xuất sắc, nhưng không thể có được công việc tốt tại một công ty/cơ quan có uy tín, bởi họ đều thiếu những KNM cần thiết. Kiến thức nghề nghiệp vững vàng là điều mấu chốt, nhưng đó chỉ là một nửa của vấn đề. Sẽ không ai tin vào tài năng của một SV mới tốt nghiệp nếu SV đó không biết cách thể hiện chúng. Vì vậy, để có thể thành công và vượt qua được các vòng thi, phỏng vấn trực tiếp khi xin việc làm, SV phải đảm bảo mình đã được trang bị đầy đủ những KNM cần thiết.

1. Định nghĩa kỹ năng mềm

"*Những gì được gọi là KNM?*", câu hỏi cơ bản này không dễ trả lời, bởi KNM là những gì xuất hiện từ những bối cảnh cụ thể khác nhau. Một chủ đề được coi là KNM trong một khu vực cụ thể và cũng có thể là khó khăn của một KNM khác. Chẳng hạn, kiến thức trong quản lý dự án là KNM của kỹ sư xây dựng, kỹ sư điện, nhưng lại là kiến thức chuyên môn cần phải có của một cử nhân kinh tế.

Từ điển bách khoa trực tuyến Wikipedia cho một định nghĩa rất rộng về các KNM: "*KNM là thuật ngữ dùng để chỉ các KN quan trọng trong cuộc sống con người, như: KN sống, giao tiếp, lãnh đạo, làm việc theo nhóm, KN quản lý thời gian, thư giãn, vượt qua khủng hoảng, sáng tạo và đổi mới... KNM khác với kỹ năng cứng (KNC) để chỉ trình độ chuyên môn, kiến thức chuyên môn hay bằng cấp và chứng chỉ chuyên môn. Thực tế cho thấy, người thành đạt chỉ có 25% là do những kiến thức chuyên môn, 75% còn lại được quyết định bởi những KNM được trang bị. KNM chủ yếu là những KN thuộc về tính cách con người, không mang tính chuyên môn, không thể sờ nắm, không phải là KN cá tính đặc biệt, chúng quyết định khả năng bạn có thể trở thành nhà lãnh đạo, thính giả, nhà thương thuyết hay người hòa giải xung đột. Những KNC ở nghĩa trái ngược thường xuất hiện trên bản lý lịch - khả năng học vấn của chủ thể, kinh nghiệm và sự thành thạo về chuyên môn. KNM bổ sung các KNC, đó là những yêu cầu kỹ*

thuật của một công việc" (1). Ví dụ về các KNM: *KN giao tiếp; Cấu trúc tư duy; KN giải quyết; Sáng tạo; Làm việc theo nhóm; KN đàm phán; Tự quản lý; Quản lý thời gian; Quản lý xung đột; Văn hóa nhận thức; Kiến thức chung; Trách nhiệm; Phong tục và cách cư xử tốt; Lịch sự; Tự trọng; Khả năng xã hội; Liêm khiết/Trung thực; Đồng cảm; Đạo đức nghề nghiệp; Quản lý dự án; Quản lý kinh doanh.*

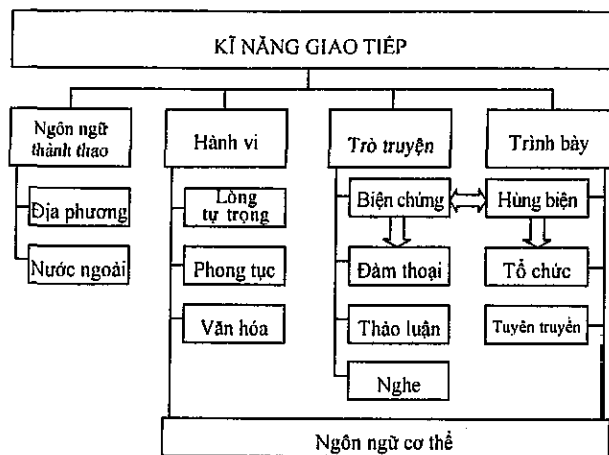
Các ví dụ về KNM nói trên chưa đầy đủ, có thể bổ sung những đặc điểm cá nhân, như: trí tưởng tượng, tò mò, quyết tâm, niềm đam mê, kiên trì... Trong quá trình quản lý sự nghiệp tư vấn, năm 2007, Challa Ram Phani đã có bài viết "*60 KNM trong công việc*", liệt kê và thảo luận 60 KN mà theo nghiên cứu của ông là "*Những đặc điểm cá nhân và KN mà người sử dụng lao động cho là quan trọng nhất khi lựa chọn nhân viên cho công việc của bất kỳ của mình*" (2).

Tuy nhiên, từ định nghĩa và danh sách các KNM nói trên, có thể thấy KNM gồm 3 loại KN khác nhau: - Phẩm chất cá nhân; - Các KN giữa các cá nhân; - Các KN/kiến thức. Trong ý nghĩa cổ điển và theo Wikipedia, KNM chủ yếu đề cập đến hai loại KN đầu tiên là *phẩm chất cá nhân* và *KN giao tiếp* (các KN ngôn ngữ). Trong bài viết này, tác giả cũng hạn chế phạm vi nội dung xung quanh hai loại đặc điểm phẩm chất cá nhân và KN giao tiếp.

2. Một số KNM quan trọng

Phần lớn chúng ta đều cho rằng tầm quan trọng của KNM phụ thuộc rất nhiều vào bối cảnh và nhận thức cá nhân. Tuy nhiên, có một yếu tố mà ngay lập tức trong tâm trí của hầu hết mọi người khi KNM được đề cập, đó là: có những người rất giỏi KN giao tiếp. Và quả thực, nó là tài năng của KN giao tiếp mà các SV đại học sau tốt nghiệp đang thiếu. Khi yêu cầu mọi người chính xác những gì họ hiểu được KN giao tiếp, người ta sẽ nhận được một loạt các câu trả lời, bởi vì KN giao tiếp bao gồm rất nhiều khía cạnh khác nhau. Hình 1 dưới đây cung cấp một cái nhìn tổng quan về các yếu tố quan trọng hình thành KN giao tiếp của một người.

* Trường Đại học Sao Đỏ



Hình 1. KN giao tiếp (2)

Theo Thomas J. Vallely và Ben Wilkinson với các KN như *biện chứng* hay *lời nói* là KN tối thiểu mà SV đại học phải có. Nên, yêu cầu tối thiểu của SV tốt nghiệp đại học phải có ngôn ngữ cơ thể: KN đàm thoại, KN thảo luận đầy đủ, KN thuyết trình tốt để có thể thể hiện ý tưởng của bản thân.

KN giao tiếp được chia thành phần "mềm" và phần "cứng". Hơn nữa, KN giao tiếp là điều kiện tiên quyết cho một loạt các KNM khác (quản lý các cuộc thảo luận hoặc quản lý xung đột). Ngoài ra, một vấn đề rất quan trọng của KNM thường xuyên thiếu trong giáo dục đại học là cấu trúc suy nghĩ. Đặc biệt trong xã hội thông tin ngày nay, rất cần thiết để phê bình, lọc những dòng dữ liệu đến, phân tích và đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu đó. Ngoài ra, trong KNM cần được nhấn mạnh ở sự sáng tạo. KN này vẫn bị hiểu sai là chỉ hữu ích cho các nghệ sĩ, trong khi trong nhà khoa học, nhà kinh doanh thường chỉ áp dụng cấu trúc, tư duy logic.

3. Đặc điểm cá nhân và thói quen có ảnh hưởng đến KNM

Một phần lớn của KNM liên quan đến đặc điểm cá nhân và thói quen. Như vậy, một câu hỏi thú vị là liệu những đặc điểm và thói quen của một người có thể được thay đổi hoặc cải thiện. Bất kỳ ai làm việc với một đối tác có thói quen khó chịu, có thể bị cảm dỗ. Do vậy, để thay đổi đặc điểm của một cá nhân là vô cùng khó khăn, nếu không nói là không thể (3). Một khía cạnh quan trọng trong vấn đề này là khả năng nhận ra và thừa nhận sự thiếu hụt một số hành vi hay thói quen xấu. Sau khi thiếu hụt đã được xác định, chúng ta phải tiến hành bù đắp hoặc loại bỏ nó. Ví dụ, nhiều người không thích nói chuyện nhỏ (đặc điểm chung trong số những người làm việc trong môi trường khoa học hoặc kỹ thuật), có các lí do khác nhau: sự nhút nhát, sống nội tâm, chán nản... Tuy nhiên, nói chuyện nhỏ là một phần quan trọng của KN giao tiếp cần thiết để hiển thị vị trí trong xã hội. Khi đã thừa nhận sự thật này, người đó sẽ

trải qua một quá trình đơn giản là tự đào tạo hoặc đào tạo có hướng dẫn để cải thiện KN còn thiếu này.

Paul T. Brinkman và Anthony W. Morgan cho rằng, những đặc điểm cá nhân nhận thức tiêu cực có thể được thay đổi bằng cách trải qua tự đào tạo áp đặt. Chỉ bản thân cá nhân thừa nhận điểm yếu của mình và có quyết định thay đổi hay không. Đào tạo sẽ không thành công nếu chúng ta không nhận thức rõ ràng việc đào tạo đó sẽ dẫn đến bất kỳ cải thiện hoặc cải tiến có lợi nào (3).

4. Tầm quan trọng của các KNM

Có hai phương pháp học tập, nâng cao KNM: - *Đãng kí tham gia đào tạo chính thức*. Ví dụ, tham gia các lớp học buổi tối về lời nói, ngôn ngữ, KN thuyết trình, xung đột hoặc quản lý văn hoá (sẽ có giấy chứng nhận vào cuối khóa học, đem lại tiện dụng cho công việc); - *Tự đào tạo* (thường dựa trên sách, giáo trình và tự rèn luyện). Muốn thay đổi các đặc điểm cá nhân, đòi hỏi phải thực hành dài hạn và tự đào tạo sẽ hữu ích hơn trong quá trình này. Việc thường xuyên giao lưu với bạn bè, đồng nghiệp và các thành viên khác của xã hội là biện pháp tự đào tạo KNM có hiệu quả. Như rất nhiều KNM khác, đặc biệt liên quan đến KN giao tiếp, khả năng nói chuyện nhỏ có thể được thực hành trong khi trò chuyện và thảo luận với những người khác một cách không chính thức. Ví dụ, thông thạo ngôn ngữ nói chung, lắng nghe, thảo luận, nghi thức, lòng tự trọng, ngôn ngữ cơ thể... Vì vậy, phương pháp dạy học của các GV đại học cần được thay đổi để áp dụng KNM vào dạy các KNC. Nói cách khác, thay cho việc SV tham gia bài giảng với mục đích chỉ học một KNC một cách vô thức bằng việc thực hành một loạt các KNM sẽ đem lại hiệu quả cao hơn.

5. GV giúp SV nâng cao KNM

Nâng cao nhận thức của SV về tầm quan trọng của KNM và cũng như chỉ ra các hậu quả do thiếu sót trong vấn đề này gây ra. SV cần được khuyến khích để nâng cao KNM bằng cách áp dụng các phương pháp như: đọc sách chuyên dụng, tham dự các khóa học, tham gia câu lạc bộ xã hội... Ngoài ra, GV nên tích hợp các KNM vào chương trình dạy học. Đối với cấp độ sau đại học, sẽ là một khóa học về KN quản lý, với những nội dung: KN giao tiếp, quản lý thời gian, giải quyết xung đột, các vấn đề văn hóa, và tầm quan trọng lớn, bản thân mình, trong thực tế đã được đón nhận của học viên.

Tuy nhiên, hiện nay chương trình trong dạy học đại học đã quá tải với hàng loạt các module KNC, làm cho việc thêm hoặc thay thế, bổ sung các khóa học rất khó khăn. Hơn nữa, một số GV không biết,

(Xem tiếp trang 60)

thức: $P = \sqrt[3]{x-1} + \sqrt[3]{4-x}, \forall x \in [1;4]$.

GV yêu cầu HS tìm nhiều lời giải khác nhau cho BT (chẳng hạn như đưa về hệ phương trình, dùng đạo hàm, sử dụng bất đẳng thức Cô-si hay Bunhiacopxki)...

BT tổng quát 1. Tìm GTLN và GTNN của biểu

thức: $P = \sqrt{x-1} + \sqrt{4-x}$, với $\forall x \in [1;4]$.

BT mở rộng 2. Tìm GTLN và GTNN của biểu

thức: $P = 5\sqrt{x-1} + 6\sqrt{4-x}$ với, $\forall x \in [1;4]$ với $\forall x \in [1;4]$.

GV yêu cầu HS tìm nhiều cách giải cho BT (chẳng hạn như đưa về hệ phương trình, dùng đạo hàm, sử dụng bất đẳng thức Cô-si hay Bunhiacopxki, phương pháp vectơ,...).

BT tổng quát 2. Tìm GTLN và GTNN nhỏ nhất của biểu thức: $P = a\sqrt{x-1} + b\sqrt{4-x}$, với $a, b > 0, \forall x \in [1;4]$.

Để bồi dưỡng, phát triển năng lực tư duy sáng tạo cho HS, GV có thể hệ thống hóa kiến thức cơ bản trong sách giáo khoa, tìm tòi nhiều các giải khác nhau, đi đến sáng tạo và đề xuất BT mới cho một BT ban đầu. Qua đó, gây hứng thú và niềm say mê học tập cho HS. Quá trình tìm tòi, khám phá ra các cách giải quyết vấn đề khác nhau cho một BT góp phần rèn luyện và phát triển khả năng sáng tạo cho HS trong dạy và học toán. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Bá Kim (chủ biên). **Phương pháp dạy học môn Toán**. NXB Đại học sư phạm, H. 2004.
2. Nguyễn Văn Thuận. **Góp phần phân phát triển năng lực tư duy logic và sử dụng chính xác ngôn ngữ Toán học cho học sinh đầu cấp trung học phổ thông trong dạy học đại số**. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Vinh, 2004.
3. Đoàn Quỳnh (tổng chủ biên). **Đại số 10 nâng cao**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2011.
4. Đoàn Quỳnh (tổng chủ biên). **Bài tập Đại số 10 nâng cao**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2011.

SUMMARY

This article initiates from exploiting exercises so as to systematize the basic knowledge in text-books, searching for many different solutions, then we start creating and suggesting series of new sums for a sum participating in fostering, training and developing the creative thought for students.

Tâm quan trọng của kĩ năng...

(Tiếp theo trang 25)

không quan tâm đến tầm quan trọng của KNM, nên không hỗ trợ, bổ sung thêm cho các khóa học trong lĩnh vực này. Để đào tạo KNM cho SV một cách hiệu quả nhất là tích hợp chúng vào dạy học các KNC. Cách làm này sẽ không làm thay đổi chương trình dạy học mà sẽ chỉ thay đổi thông qua phương pháp luận dạy học của GV. Việc GV tăng cường các cuộc thảo luận nhóm, cho phép SV làm bài thuyết trình và sử dụng các phương pháp tối ưu khác để thực hành KNM có thể được áp dụng trong suốt khóa học. Chẳng hạn, khi GV chuẩn bị một bài giảng cụ thể, trước hết GV phải xây dựng kế hoạch bài giảng bằng cách xác định trước những KNM muốn tăng cường, áp dụng vào bài giảng, sau đó xem xét nội dung bài giảng để sắp xếp phù hợp. Áp dụng đúng sẽ giúp bài giảng tăng tính hấp dẫn và hiệu quả, cùng đó phát triển được cả KNC và KNM.

Giáo dục đại học mang trên mình trách nhiệm đặc biệt về hướng dẫn, thực hành, phát triển KNM cho SV. Vì vậy, bên cạnh việc nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của KNM và khuyến khích SV nâng cao KN, GV phải tích cực thực hành các KNM cho SV. Cách làm hiệu quả nhất là tích hợp KNM vào quá trình dạy các KNC, cùng đó sẽ giúp các bài học sẽ trở nên hấp dẫn hơn và sẽ làm tăng tỉ lệ thành công của người học. □

(1) Wikipedia: www.en.wikipedia.com

(2) Phani Challa Ram: <http://in.rediff.com/getahead/2007/jan/08soft.htm>

(3) Paul T. Brinkman - Anthony W. Morgan. **Financial Planning: Strategies and Lessons Learned**. 2010.

Tài liệu tham khảo

Đỗ Duy Ngôn. **Chừng nào giáo dục Việt Nam hội nhập**. NXB Khoa học kĩ thuật, H. 2008.

SUMMARY

The "embedded" soft-skills training on hard skills in the module/course is a very effective method, created interest in teaching professional. This is a content specific to soft skills. Soft skills make a vital role in shaping the personaliti of an individual. This is also the skills of each graduate student must have been to beyond the expertise in the application process.